

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2017

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bình

Ông Nguyễn Văn Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐXX - ST ngày 14/7/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 64 ngày 7/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị Đ. Sinh năm 1976; Trú tại: k34/81 đường M, tổ 75 phường A, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Đông H. Sinh năm 1974; Trú tại: k34/81 đường M, tổ 75 phường A, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đàm Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn năm 1999 tại UBND phường P. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại k34/81 M, tổ 75 phường A, quận Sơn Trà. Trong quá trình chung sống, chỉ hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài. Hiện nay vợ chồng cùng sống chung trong một mái nhà nhưng phần ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai cả. Nay tình cảm bà không còn yêu thương ông H nữa nên xin được ly hôn ông H.

- Về con chung: Có 02 con tên Phan Trung H, sinh ngày 20/7/2000 và Phan Đàm Phú T, sinh ngày 14/12/2001. Nếu ly hôn bà Đ có nguyện vọng được nuôi 2 con nhưng cháu Phan Trung H có nguyện vọng được ở với ba. Bà tôn trọng ý kiến của con. Nhưng nếu Tòa án giải quyết cho bà nuôi 2 con thì bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

* Đối với ông Phan Đông H sau khi nhận được kết quả của bản hòa giải do bà Đàm Thị Đ và ông H đồng ý, Toà án đã triệu tập hai bên cùng các đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, cùng cư trú với ông H ký nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cam kết giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nào nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và thông báo công khai bằng văn bản cho ông Phan Đông H biết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành, đồng thời cũng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ

của mình. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa, ông Phan Đông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Bà Đàm Thị Đ và ông Phan Đông H đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND phường P, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyển số 01 ngày 15/7/1999, hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H tồn tại nhiều năm nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà Đ cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại k34/81 M, tổ 75 phường A, quận Sơn Trà. Trong quá trình chung sống, chỉ hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài. Hiện nay vợ chồng cùng sống chung trong một mái nhà nhưng phần ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai cả. Riêng ông Phan Đông H, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông H không có mặt tại phiên họp do tổ trưởng tổ dân phố ký nhận và cam kết giao tận tay cho ông H các văn bản tố tụng của Toà án nhưng ông H vắng mặt không có lý do chính đáng. Việc ông H vắng mặt những phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có bản tự khai của mình thể hiện phần nào về việc ông H không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Trên cơ sở đó, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H theo thủ tục chung. Ông H phải chịu hậu quả pháp lý về việc

không thực hiện các yêu cầu của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông H, Hội đồng xét xử xem thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H mất từ khoảng 5 năm về trước, hai vợ chồng bà Đ phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau đã được tổ trưởng và tổ phụ nữ hòa giải khuyên can nhưng không có kết quả. Nguyên nhân mâu thuẫn không hòa hợp tính cách dẫn đến xung đột thường xuyên. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa họ đã thất bại, không thể duy trì và nên xem xét cho bà Đ đơn ly hôn ông H là phù hợp và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy vì lợi ích tốt nhất của con, nuôi dưỡng, giáo dục con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Bà Đ và ông H đã có thỏa thuận giao con cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho mẹ là phù hợp với lợi ích tốt nhất của con, nên không cần phải có quyết định của Tòa án. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu nên không xét đến.

Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Bà Đ xác nhận không có

Tuy nhiên không có ý kiến này của ông H về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này nếu các bên tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, con chung*" của bà Đàm Thị Đ đối với ông Phan Đông H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị Đ được ly hôn ông Phan Đông H.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đàm Thị Đ đối với ông Phan Đông H nên giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01 do UBND phường P, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/7/1999 cho bà Đàm Thị Đ đối với ông Phan Đông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 2 con Phan Trung H, sinh ngày 20/7/2000 và Phan Đàm Phú T, sinh ngày 14/12/2001 cho bà Đàm Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Phan Đông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Đàm Thị Đ phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001597 ngày 14/03/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm, ngày 22/8/2017. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quy định vắng mặt trong thẩm phán 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao ảnh chụp

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự, người pH thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ BÉ